

Số : ~~240~~ /CT-CBTT

V/v : Công bố thông tin Báo cáo tài chính
soát xét 6 tháng năm 2015

TP.HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2015

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO
2. Mã chứng khoán : INC
3. Địa chỉ trụ sở: Lầu 6, 151 Ter, đường Nguyễn Đình Chiểu, P6, Q3, TPHCM
4. Điện thoại : 083 9304 790 Fax: 083 9304 790
5. Người thực hiện công bố thông tin : Phùng Thị Thơm
6. Nội dung công bố thông tin : Toàn văn Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2015.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ BCTC : www:idico-incon.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu VPIH.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
KÊ TỐN TRƯỞNG
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TƯ VẤN ĐẦU TƯ
IDICO
QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

Phùng Thị Thơm

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO (IDICO - INCON) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO (IDICO - INCON) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn đầu tư IDICO, là doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam nay là Tổng công ty đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 01 tháng 02 năm 2008, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 11 tháng 7 năm 2008, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 17 tháng 4 năm 2010, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 31 tháng 01 năm 2012, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 13 tháng 05 năm 2013, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 02 tháng 12 năm 2014.

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VND (Hai mươi tỷ đồng)

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 6 - 151Ter - Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty hiện đang niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 18 tháng 4 năm 2011. Mã cổ phiếu: INC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Hồ Minh Toàn	Chủ tịch
	Ông Phan Công Nhân	Thành viên
	Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên
	Bà Phùng Thị Thơm	Thành viên
	Ông Mai Quốc Chính	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Giám đốc
	Ông Đàm Văn Kiên	Phó Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh tại Quảng Nam
	Ông Tạ Văn Lợi	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ HOẠT ĐỘNG

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Khánh
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015

Số: 468/2015/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 của Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 được lập ngày 11 tháng 8 năm 2015 của Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO (gọi tắt là "Công ty") và được trình bày từ trang 05 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo Kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhận mạnh:

Việc ghi nhận Vốn và Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu IDICO với số tiền 2.000.000.000 đồng có sự khác biệt so với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình.



Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2013-075-1
Thay mặt và đại diện

Nguyễn Thị Minh Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1492-2013-075-1

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2015	01/01/2015
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		31.931.579.830	30.908.619.082
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.604.573.233	4.866.930.359
1. Tiền	111		604.573.233	1.366.930.359
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	3.500.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.788.615.463	8.086.283.217
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	8.467.419.173	8.870.975.010
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.724.148.500	1.004.500.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.214.546.675	1.034.697.675
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(2.617.498.885)	(2.823.889.468)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	19.538.391.134	17.955.405.506
1. Hàng tồn kho	141		19.933.223.106	18.350.237.478
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(394.831.972)	(394.831.972)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		3.615.056.345	4.052.618.847
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		3.012.035.290	3.074.793.199
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	74.149.818	67.281.727
- Nguyên giá	222		4.510.430.650	4.500.910.650
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.436.280.832)	(4.433.628.923)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	2.937.885.472	3.007.511.472
- Nguyên giá	228		4.865.783.400	4.808.783.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.927.897.928)	(1.801.271.928)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	-	410.369.000
1. Nguyên giá	231		-	641.581.000
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(231.212.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		500.000.000	500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	500.000.000	500.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		103.021.055	67.456.648
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	103.021.055	67.456.648
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		35.546.636.175	34.961.237.929

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2015	01/01/2015
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		10.625.706.334	9.787.342.603
I- Nợ ngắn hạn	310		10.625.706.334	9.787.342.603
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	1.277.595.581	1.010.397.773
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.913.381.359	4.606.739.450
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	586.744.134	1.040.922.459
4. Phải trả người lao động	314		766.325.444	2.141.017.840
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		154.701.137	166.727.955
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	227.769.696	576.606.283
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		699.188.983	244.930.843
II- Nợ dài hạn	330		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		24.920.929.841	25.173.895.326
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	24.920.929.841	25.173.895.326
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		248.050.000	248.050.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.285.583.186	3.858.741.760
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		387.296.655	1.067.103.566
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		266.025.815	1.006.851.966
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		121.270.840	60.251.600
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		35.546.636.175	34.961.237.929

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015

Người lập



Lại Văn Hoàn

Kế toán trưởng



Phùng Thị Thơm

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	6.093.173.566	8.001.422.077
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		6.093.173.566	8.001.422.077
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	3.313.018.449	5.607.284.494
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		2.780.155.117	2.394.137.583
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	81.717.926	4.299.814
7. Chi phí tài chính	22		-	12.292.273
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	12.292.273
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.18	1.816.225.743	2.169.028.435
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		1.045.647.300	217.116.689
11. Thu nhập khác	31		40.909.091	237.272.727
12. Chi phí khác	32		509.866.020	12.832.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.19	(468.956.929)	224.440.727
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		576.690.371	441.557.416
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.20	189.393.716	140.262.632
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		387.296.655	301.294.784
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	194	151
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lại Văn Hoàn



Phùng Thị Thơm



Nguyễn Ngọc Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
		đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	576.690.371	441.557.416
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	179.541.909	228.564.000
- Các khoản dự phòng	3	(206.390.583)	139.909.058
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	305.873.983	(4.299.814)
- Chi phí lãi vay	6	-	12.292.273
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	855.715.680	818.022.933
- Tăng/giảm các khoản phải thu	9	(495.941.663)	2.774.235.855
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(1.582.985.628)	344.722.849
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	886.059.288	(4.686.304.632)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(35.564.407)	676.998
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(12.292.273)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(382.879.322)	(488.004.822)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(186.004.000)	(308.905.800)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(941.600.052)</i>	<i>(1.557.848.892)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(118.500.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	81.717.926	4.299.814
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(36.782.074)</i>	<i>4.299.814</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	3.227.913.755
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(3.187.569.755)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(283.975.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(283.975.000)</i>	<i>40.344.000</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	<i>(1.262.357.126)</i>	<i>(1.513.205.078)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.866.930.359	2.008.738.940
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.604.573.233	495.533.862

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Lại Văn Hoàn

Phùng Thị Thơm



Nguyễn Ngọc Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09a - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn đầu tư IDICO, là doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam nay là Tổng công ty đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 01 tháng 02 năm 2008, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 11 tháng 7 năm 2008, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 17 tháng 4 năm 2010, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 31 tháng 01 năm 2012, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 13 tháng 05 năm 2013, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 02 tháng 12 năm 2014.

Công ty hiện đang niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 18 tháng 4 năm 2011. Mã cổ phiếu: INC

Vốn điều lệ của 20.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO	200.000	2.000.000.000	10%
Tổng công ty đầu tư Phát triển đô thị và khu công nghiệp	1.208.000	12.080.000.000	60%
Các cổ đông khác	592.000	5.920.000.000	30%
Tổng	2.000.000	20.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 6 - Số 151Ter - Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 69 người (tại 31/12/2014: 67 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Tư vấn quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông, nông nghiệp.
- Tư vấn đầu thầu về xây lắp, cung cấp vật tư và mua sắm máy móc thiết bị.
- Lập và thẩm tra dự án đầu tư xây dựng, thẩm tra thiết kế, dự toán và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, nông nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp.
- Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp.
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp.
- Thiết kế công trình kỹ thuật và đô thị
- Thiết kế qui hoạch xây dựng công trình
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt phân điện và thiết bị điện công trình.
Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất.
- Thiết kế kết cấu công trình giao thông.
- Giám sát thi công công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện.
- Đánh giá tác động môi trường

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Thiết kế kiến trúc công trình
- Thiết kế nội ngoại thất công trình
- Thẩm tra an toàn giao thông đường bộ
- Lập báo cáo đầu tư (nghiên cứu tiền khả thi và khả thi): giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp.
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp nước, thoát nước, môi trường đô thị và khu công nghiệp)
- Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình dân dụng và giao thông
- Xây dựng công trình dân dụng khác. Chi tiết:
- Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc các dự án thử nghiệm công nghệ mới hoặc thuộc các đề tài nghiên cứu khoa học, cải tạo, duy tu, trùng tu các công trình văn hóa và bảo tồn lịch sử.
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông, nông nghiệp.

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển nhà, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị.

Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: thí nghiệm các loại vật liệu xây dựng và cơ học đất; Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị, kiểm định chất lượng các công trình xây dựng; Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.

Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm Khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: khai thác, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới về công nghệ thông tin, công nghệ xây dựng, vật liệu xây dựng.

Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm Khoa học xã hội và nhân văn. Chi tiết: khai thác, nghiên cứu, ứng dụng, và chuyển giao công nghệ mới về đào tạo nghề, bồi dưỡng nghiệp vụ. Hoàn thiện công trình xây dựng. Chi tiết: thi công trang trí nội ngoại thất công trình.

(Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của Luật đầu tư và pháp luật có liên Quan).

Hoạt động chính của Công ty là thiết kế, giám sát, khảo sát thiết kế, khảo sát thi công, lập Báo cáo, dự án...

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính) (chi tiết xem thuyết minh số 6.3), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Tiền đang chuyển

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là Thương hiệu có nguyên giá ban đầu 2.000.000.000 đồng là giá trị thương hiệu IDICO được hạch toán theo Quyết định giá trị doanh nghiệp số 1291/QĐ-BXD ngày 14/09/2006 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa của Công ty Tư vấn Đầu tư IDICO.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	6 tháng năm 2015
	Số năm
Máy móc và thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05

Thương hiệu được tính hao mòn trong thời gian 10 năm, kể từ năm 2007. Việc ghi nhận trên có khác biệt so với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất không có thời hạn tại số G14, Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có nguyên giá ban đầu là 2.389.054.000 đồng. Tài sản cố định là quyền sử dụng đất không thời hạn nên không tính khấu hao.

TSCĐ vô hình là Phần mềm máy tính được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 5 năm đến 8 năm. Phần mềm được khấu hao trong 8 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thông...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu, là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	62.828.872	105.667.821
Tiền gửi ngân hàng	541.744.361	1.261.262.538
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	3.500.000.000
Tổng	<u>3.604.573.233</u>	<u>4.866.930.359</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.2 Đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Kiểm định XD Vinacontrol IDICO	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000

Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Kiểm định xây dựng Vinacontrol IDICO. Công ty có trụ sở tại Lầu 7, Số 151 Ter, Nguyễn Đình Chiểu, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng, vốn góp của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO chiếm 10%. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Công ty đã góp được 500.000.000 đồng. Trong kỳ Công ty không có giao dịch nào phát sinh với Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng Vinacontrol IDICO.

5.3 Phải thu của khách hàng

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	8.467.419.173	8.870.975.010
Công ty Cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa	1.029.254.134	667.976.389
Công an tỉnh Đồng Nai	898.084.664	-
Phải thu đối tượng khác	6.540.080.375	8.202.998.621
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	777.288.825	583.944.825
BQL DA Nhà máy thủy điện Đak Mi 4	109.382.208	109.382.208
Công ty CP đầu tư xây dựng Dầu Khí IDICO	70.453.000	97.745.000
Ban giải phóng mặt bằng CT thủy điện Đakmi 4	2.260.500	2.260.500
Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận	73.337.410	73.337.410
Công Ty TNHH MTV xây dựng IDICO	-	711.390.913
Công ty CP đầu tư xây dựng Long An IDICO	27.500.000	27.500.000
Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị & KCN VN	730.978.823	8.884.848
Công ty CP đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	-	15.000.000
Công ty TNHH 1TV Phát triển đô thị & KCN IDICO	99.580.140	147.863.040
Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng số 10 IDICO	-	763.199.000
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	8.467.419.173	8.870.975.010

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.4 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	1.214.546.675	-	1.034.697.675	-
Công ty cổ phần Kiểm định Xây dựng Vinacontrol IDICO	102.331.466	-	102.331.466	-
Phải thu các đội thi công công trình	794.482.772	-	839.848.772	-
Các đối tượng khác	6.357.437	-	6.357.437	-
Tạm ứng	311.375.000	-	86.160.000	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	1.214.546.675	-	1.034.697.675	-

5.5 Nợ xấu

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	2.966.235.937	348.737.052	3.182.065.045	358.175.577
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Nguyễn Trúc Nghĩa	-	-	-	261.148.157
Các khách hàng khác	-	-	-	2.705.087.780

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	22.656.697	-	13.673.172	-
Chi phí SX KDDD	19.910.566.409	394.831.972	18.336.564.306	394.831.972
Tổng	19.933.223.106	394.831.972	18.350.237.478	394.831.972

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09a - DN****5.7 Tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2015	2.518.913.796	1.493.676.121	488.320.733	4.500.910.650
Tăng trong kỳ	109.256.350	-	-	109.256.350
Mua trong kỳ	61.500.000	-	-	61.500.000
Phân loại lại	47.756.350	-	-	47.756.350
Giảm trong kỳ	51.980.000	-	47.756.350	99.736.350
Thanh lý nhượng bán	51.980.000	-	-	51.980.000
Phân loại lại			47.756.350	47.756.350
Số dư tại 30/6/2015	2.576.190.146	1.493.676.121	440.564.383	4.510.430.650
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2015	2.482.785.978	1.474.204.212	476.638.733	4.433.628.923
Tăng trong kỳ	68.412.350	19.471.909	6.372.000	94.256.259
Khấu hao trong kỳ	20.656.000	19.471.909	6.372.000	46.499.909
Phân loại lại	47.756.350	-	-	47.756.350
Giảm trong kỳ	43.848.000	-	47.756.350	91.604.350
Phân loại lại	-	-	47.756.350	47.756.350
Thanh lý nhượng bán	43.848.000	-	-	43.848.000
Số dư tại 30/6/2015	2.507.350.328	1.493.676.121	435.254.383	4.436.280.832
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2015	36.127.818	19.471.909	11.682.000	67.281.727
Tại ngày 30/6/2015	68.839.818	-	5.310.000	74.149.818

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2015 với giá trị là 4.219.908.832 đồng (tại 31/12/2014: 3.461.256.923 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2015	2.389.054.000	419.729.400	2.000.000.000	4.808.783.400
Tăng trong kỳ	-	57.000.000	-	57.000.000
Mua trong kỳ	-	57.000.000	-	57.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2015	2.389.054.000	476.729.400	2.000.000.000	4.865.783.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2015	-	201.271.928	1.600.000.000	1.801.271.928
Tăng trong kỳ	-	26.626.000	100.000.000	126.626.000
Khấu hao trong kỳ	-	26.626.000	100.000.000	126.626.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2015	-	227.897.928	1.800.000.000	1.927.897.928
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2015	2.389.054.000	218.457.472	400.000.000	3.007.511.472
Tại 30/6/2015	2.389.054.000	248.831.472	200.000.000	2.937.885.472

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại 30/06/2015 là 50.697.400 đồng (tại 31/12/2014: 50.697.400 đồng).

5.9 Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số tại		Giảm trong kỳ	Số tại
	01/01/2015	Tăng trong kỳ		30/06/2015
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	641.581.000	-	641.581.000	-
- Nhà	641.581.000	-	641.581.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	231.212.000	6.416.000	237.628.000	-
- Nhà	231.212.000	6.416.000	237.628.000	-
Giá trị còn lại	410.369.000	-	410.369.000	-
- Nhà	410.369.000	-	410.369.000	-

Trong kỳ, Công ty thực hiện tháo dỡ công trình đang cho thuê để thực hiện dự án xây dựng mới.

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	103.021.055	67.456.648
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	103.021.055	67.456.648
Tổng	103.021.055	67.456.648

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.11 Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	1.277.595.581	1.277.595.581	1.010.397.773	1.010.397.773
Xí Nghiệp Khảo sát Tổng hợp Miền Nam - Tư vấn Xây dựng Điện 2	527.272.727	527.272.727	527.272.727	527.272.727
Liên hiệp Khảo sát Địa chất Công trình nền móng & môi trường	494.545.455	494.545.455	138.724.545	138.724.545
Các đối tượng khác	255.777.399	255.777.399	344.400.501	344.400.501
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	1.277.595.581	1.277.595.581	1.010.397.773	1.010.397.773

Trong đó:**c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

XN KS Tổng hợp Miền Nam- Tư vấn XD Điện 2	527.272.727	527.272.727	527.272.727	527.272.727
Các đối tượng khác	167.474.768	167.474.768	167.474.768	167.474.768
Tổng	694.747.495	694.747.495	694.747.495	694.747.495

d. Phải trả các bên liên quan

Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đô thị & KCN VN - TNHH MTV	-	-	145.487.375	145.487.375
Công ty CP Phát triển đường cao tốc Biên Hòa	27.456.363	27.456.363	27.383.636	27.383.636
Công Ty TNHH MTV xây dựng IDICO	-	-	4.054.722	4.054.722
Tổng	27.456.363	27.456.363	176.925.733	176.925.733

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải trả		Số phải trả	
	01/01/2015	Số đã nộp	Số phải nộp	30/06/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế	1.040.922.459	1.277.939.514	823.761.189	586.744.134
Thuế giá trị gia tăng				
+Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	585.611.082	782.856.716	558.557.453	361.311.819
Thuế thu nhập doanh nghiệp	307.846.400	382.879.322	189.393.716	114.360.794
Thuế thu nhập cá nhân	50.930.224	97.745.692	61.352.236	14.536.768
Các loại thuế khác	96.534.753	4.000.000	4.000.000	96.534.753
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	10.457.784	10.457.784	-
Tổng	1.040.922.459	1.277.939.514	823.761.189	586.744.134

5.13 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	227.769.696	576.606.283
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	25.250.340	39.702.660
Bảo hiểm xã hội	1.715.894	14.699.318
Bảo hiểm y tế	6.138.890	4.278.005
Bảo hiểm thất nghiệp	7.390.812	4.677.540
Các khoản phải trả, phải nộp khác	187.273.760	513.248.760
Tổng	227.769.696	576.606.283

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	20.000.000.000	248.050.000	2.316.979.152	1.236.966.643	1.006.851.966	24.808.847.761
Tăng trong năm	-	-	204.110.965	100.685.000	1.067.103.566	1.371.899.531
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	1.067.103.566	1.067.103.566
Phân phối lợi nhuận	-	-	204.110.965	100.685.000	-	304.795.965
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.006.851.966	1.006.851.966
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	400.000.000	400.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	204.110.965	204.110.965
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	100.685.000	100.685.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	302.056.000	302.056.000
Giảm khác	-	-	-	-	1	1
Số dư tại 31/12/2014	20.000.000.000	248.050.000	2.521.090.117	1.337.651.643	1.067.103.566	25.173.895.326
Số dư tại 01/01/2015	20.000.000.000	248.050.000	3.858.741.760	-	1.067.103.566	25.173.895.326
Tăng trong kỳ	-	-	426.841.426	-	387.296.655	814.138.081
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	387.296.655	387.296.655
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	426.841.426	-	-	426.841.426
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	1.067.103.566	1.067.103.566
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	426.841.426	426.841.426
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	640.262.140	640.262.140
Số dư tại 30/6/2015	20.000.000.000	248.050.000	4.285.583.186	-	387.296.655	24.920.929.841

(*): Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 16 tháng 04 năm 2015 về việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:
Lợi nhuận sau thuế năm 2014 là 1.067.103.566 đồng; công ty trích lập quỹ: khen thưởng phúc lợi là 640.262.140 đồng; quỹ đầu tư phát triển là 426.841.426 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	12.080.000.000	12.080.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	5.920.000.000	5.920.000.000
Tổng	20.000.000.000	20.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 6	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng / Cổ phiếu

e. Cổ tức

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	-	400.000.000
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	-	400.000.000
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-

Trong 6 tháng năm 2015 Công ty chưa thực hiện chia cổ tức của năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**f. Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/06/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Quỹ đầu tư phát triển	4.285.583.186	3.858.741.760
Tổng	4.285.583.186	3.858.741.760

5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**a. Doanh thu**

	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
	đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.093.173.566	8.001.422.077
Tổng	6.093.173.566	8.001.422.077

b. Doanh thu đối với các bên liên quan

	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
	đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	789.765.454	406.519.091
BQL DA Nhà máy thủy điện Đak Mi 4	-	2.194.896.839
Công ty Cổ phần phát triển Đường cao tốc Biên Hòa	-	243.400.621
Công ty CP đầu tư xây dựng Dầu Khí IDICO	-	44.925.455
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	-	164.780.909
Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận	108.545.455	244.014.546
Công Ty TNHH MTV xây dựng IDICO	84.016.364	756.223.636
Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng Vinacontrol IDICO	-	299.721.495
Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị & KCN VN	664.526.203	1.271.668.952
Công ty CP Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị IDICO	127.272.727	134.413.636
Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị & KCN IDICO	169.737.173	160.292.740
Tổng	1.943.863.376	5.920.857.920

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.16 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.313.018.449	5.607.284.494
Tổng	3.313.018.449	5.607.284.494

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	81.717.926	4.299.814
Tổng	81.717.926	4.299.814

5.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
<i>Chi phí nhân viên quản lý</i>	947.330.181	1.169.118.770
<i>Các khoản chi phí QLDN khác</i>	1.075.286.145	999.909.665
b) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(206.390.583)	-
Tổng	1.816.225.743	2.169.028.435

5.19 Lợi nhuận khác

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Thu nhập khác		
Các khoản khác	40.909.091	237.272.727
Tổng	40.909.091	237.272.727
Chi phí khác		
Chênh lệch thanh lý và nhượng bán TSCĐ	381.175.909	-
Các khoản bị phạt	22.788.158	-
Các khoản khác	105.901.953	12.832.000
Tổng	509.866.020	12.832.000
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	(468.956.929)	224.440.727

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	576.690.371	441.557.416
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>284.190.158</i>	<i>196.000.000</i>
<i>Thù lao của Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành</i>	<i>60.000.000</i>	<i>96.000.000</i>
<i>Khấu hao góp vốn thương hiệu</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>124.190.158</i>	-
Thu nhập chịu thuế	860.880.529	637.557.416
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>22%</i>	<i>22%</i>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	189.393.716	140.262.632
Thuế TNDN hiện hành	189.393.716	140.262.632

5.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	387.296.655	301.294.784
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	387.296.655	301.294.784
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	194	151

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty**

Bên liên quan	Tính chất	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
		đến 30/6/2015 VND	đến 30/6/2014 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	Lương, thưởng và thù lao	810.598.000	657.276.000

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	30/6/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả khác		
Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị & KCN VN - TNHH MTV	-	241.600.000
Công ty TNHH 1TV Phát triển đô thị & KCN IDICO	-	40.000.000
Tổng	-	281.600.000

Bên liên quan	30/6/2015 VND	01/01/2015 VND
Người mua trả tiền trước		
Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	292.726.625	292.726.625
BQL DA Nhà máy thủy điện Đak Mi 4	341.400.000	341.400.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng Dầu Khí IDICO	52.420.693	52.420.693
Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận	253.496.928	315.406.019
Công ty CP ĐT PT Đô thị và KCN Quế Võ IDICO	237.360.000	237.360.000
Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị & KCN VN - TNHH MTV	2.935.606.739	1.075.073.739
Công ty CP Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị IDICO	-	42.000.000
Công ty TNHH 1TV Phát triển đô thị & KCN IDICO	158.904.000	158.904.000
Tổng	4.271.914.985	2.515.291.076

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	6/30/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.604.573.233	4.866.930.359
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.064.466.963	7.081.783.217
Đầu tư tài chính dài hạn	500.000.000	500.000.000
Tổng	11.169.040.196	12.448.713.576
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.505.365.277	1.587.004.056
Tổng	1.505.365.277	1.587.004.056

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính giữa niên độ Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính giữa niên độ Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ nhưng không trọng yếu, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/6/2015			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	1.505.365.277	-	1.505.365.277
Tổng	1.505.365.277	-	1.505.365.277
Tại 01/01/2015			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	1.587.004.056	-	1.587.004.056
Tổng	1.587.004.056	-	1.587.004.056

Tài sản tài chính

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/6/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.604.573.233	-	3.604.573.233
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.064.466.963	-	7.064.466.963
Tổng	10.669.040.196	-	10.669.040.196
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.866.930.359	-	4.866.930.359
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.081.783.217	-	7.081.783.217
Tổng	11.948.713.576	-	11.948.713.576

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 đã được soát xét.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT/BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 như sau:

Bảng Cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Tại 01/01/2015	Tại 01/01/2015
	Theo Thông tư 200	Theo Quyết định 15
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.858.741.760	2.521.090.117
Quỹ dự phòng tài chính	-	1.337.651.643

Người lập



Lại Văn Hoàn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phùng Thị Thơm



Nguyễn Ngọc Khánh